TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày: 30/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU-TP ĐÀ NẴNG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có* :**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hồng Loan
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Ông Ngô Bá Dũng

+ Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu - 24 Hoàng Văn Thụ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 01/2018/TLST- HS ngày 02/01/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06 /2018/QĐXXST-HS ngày 16/01/2018 đối với bị cáo:

1. **Nguyễn Văn N** - Sinh năm 1993 tại Đà Nẵng.Nơi cư trú: Thôn L, xã Hòa T, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông : Nguyễn Văn M (sống) và bà Trương Thị A (sống). Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự : Chưa.

Nhân thân : Ngày 24/8/2011 bị UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định về việc tập trưng vào Trung tâm Giáo dục- Dạy nghề 05-06 thành phố Đà Nẵng vì có hành vi sử dụng chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19.5.2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Huỳnh Đ- Sinh năm 1986 tại Đà Nẵng. Nơi cư trú: Tổ 33 phường Hòa, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam Con ông: Huỳnh Thúc Kh (chết) và bà Trần Thị Phương L (sống). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Trần Thị Dạ Nh (sinh năm 1990) và có 01 con (sinh năm 2014).

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19.5.2017, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án : Bà **Trần Thị Dạ Nh** - sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 15 phường Hòa, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Đức Đ: Ông **Lý Vinh H** - Luật sư của Công ty TNHH MTV Phước Ng thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 557 Nguyễn Hữu T, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Ông **Phạm Lý H** - Luật sư của văn phòng luật sư Phụng C thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: 133 Nguyễn H, phường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20^{h}45’ ngày 19/5/2017, tại trước cổng Bệnh viện Đa khoa thành phố Đà Nẵng, số 103 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn N và Huỳnh Đ đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ của :

Nguyễn Văn N:

+ 01 gói nilon được hàn kín, kích thước 04cm x 06cm, bên trong có chứa 19 viên nén màu vàng, có hình thoi (*ký hiệu* A) ; Theo N và Đkhai đó là thuốc lắc.

+ 01 điện thoại di động màu đen, có chữ Philip có sim số: 0905.042.955 có số Imei 1: 863314032355159, số Imei 2 : 863314032455355

Huỳnh ĐĐức:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng có sim số: 01208.070.607 có số Imei 1: 353236070872919, số Imei 2: 353237070872917 ;

+ 01 điện thoại di động Oppo màu đồng có sim số : 0905.525.236 có số Imei 1: 868791024871415, số Imei 2: 868791024871407;

+ 150.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 315/GĐ-MT ngày 24/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng và Kết luận giám định số 502/C54C(Đ4) của Viện Khoa học Hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Các mẫu tinh thể ký hiệu A gửi giám định là ma túy, loại Methaphetamine và MDMA. Trọng lượng: 4,839 gam. Hoàn trả sau giám định: 2,294 gam.

Điều tra ban đầu, Nguyễn Văn N và Huỳnh Đ đều thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó Huỳnh Đkhai lại, không thừa nhận sự việc bị bắt quả tang. Tại phiên tòa ngày 28/12/2017 Nguyễn Văn N khai lại, không thừa nhận nhờ Đmua 19 viên thuốc lắc, mà nhờ một đối tượng tên Hin mua ở đường Phạm Văn Đồng, thành phố Đà Nẵng mua hộ, đồng thời không thừa nhận giữa tháng 5/2017 có nhờ Đmua 13 viên thuốc lắc.

Tuy nhiên, từ lời khai của Nguyễn Văn N trước ngày 24/11/2017, lời tự khai ban đầu của Huỳnh Đ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định:

Vào khoảng 19h ngày 19/5/2017, vì có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Văn N dùng điện thoại số: 0905.042.955 gọi điện cho Huỳnh Đtheo số: 01208.070.607 để nhờ Đ mua giúp 20 viên thuốc lắc. Đđồng ý và dùng điện thoại số 01208.070.607 gọi cho một người thanh niên tên Nguyên (chưa xác định họ tên, địa chỉ) hỏi mua 20 viên thuốc lắc với giá 6.500.000 đồng. Đ hẹn với Nguyên giao ma túy tại trước cổng bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. Khi N và Đ đến, vì N có 6.000.000 đồng nên Nguyên chỉ bán 19 viên thuốc lắc. Huỳnh Đ nhận ma túy từ Ng xong, vừa giao cho N thì bị Phòng CSĐTTP về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng bắt quả tang như đã nêu trên. Qua điều tra còn xác định, trước đó vào khoảng giữa

tháng 5/2017, Đ còn mua giúp cho N 13 viên thuốc lắc với giá 4.000.000 đồng để N sử dụng cùng bạn bè.

Tại bản cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 17/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Huỳnh Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án từ 07 (bảy) năm tù đến 8 (tám) năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Huỳnh Đ mức án từ 07 (bảy) năm tù đến 08 (tám) năm tù.

* Về xử lý vật chứng : Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, xử lý :

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 2,294 gam mẫu ma túy và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định số 502/GĐ-MT.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước:

+ 01 điện thoại di động màu đen, có chữ Philip có sim số: 0905.042.955 có số Imei 1: 863314032355159, số Imei 2 : 863314032455355

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng có sim số: 01208.070.607 có số Imei 1: 353236070872919, số Imei 2: 353237070872917 ;

Tuyên trả lại cho bà Nh :

+ 01 điện thoại di động Oppo màu đồng có sim số : 0905.525.236 có số Imei 1: 868791024871415, số Imei 2: 868791024871407 ;

+ Tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Đsố tiền 150.000 đồng

* Về án phí : Án phí HSST các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư Phạm Lý H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N phát biểu luận cứ bào chữa, cụ thể như sau:

- Người bào chữa cho rằng việc cơ quan điều tra tiến hành bắt bị cáo N không đúng trình tự vì bị cáo N không phạm tội quả tang.

- Cơ quan điều tra sử dụng biểu mẫu phạm tội quả tang không đúng.

- Có hai kết quả giám định khác nhau nhưng không làm rõ.

- Khi kiểm tra điện thoại của bị cáo Đvề nội dung tin nhắn của N gửi cho Đthì Đlà người giải thích nội dung tin nhắn chứ không phải N. Như vậy là sai quy trình.

- Cơ quan điều tra cũng chưa xác minh đối tượng tên Nguyên.

- Việc Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu truy tố bị cáo N phạm tội nhiều lần là không có cơ sở.

Vì vậy đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư Lý Vinh H bào chữa cho bị cáo Huỳnh Đ phát biểu luận cứ bào chữa, cụ thể như sau:

- Về phần tố tụng:

+ Về Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát là hoàn toàn không có cơ sở và không khách quan. Quá trình điều tra, truy tố không đánh giá khách quan đối với lời khai và chứng cứ trong vụ án.

+ Không lập biên bản phạm tội quả tang tại hiện trường.

+ Không lập biên bản niêm phong ngay tại hiện trường vụ án.

+ Không lập biên bản kiểm tra điện thoại tin nhắn tại hiện trường.

+ Trong quá trình lập biên bản phạm tội quả tang có người làm chứng là Trần Quang Thùy nhưng ông Thùy không nắm rõ nội dung vụ án, không chứng kiến vật chứng bị thu giữ nên đề nghị HĐXX loại bỏ vai trò người làm chứng của ông Thùy.

+ Việc niêm phong đối với 19 viên thuốc dạng nén được cho là ma túy không niêm phong số ma túy trên ngay tại hiện trường bắt quả tang là không đúng quy định của pháp luật, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá tình thu thập chứng cứ. Vì vậy, không ai đảm bảo được rằng vật chứng có bị thay đổi khi di lý các bị cáo từ hiện trường vụ án đến công an phường Thạch Thang không ?

- Về giám định hàm lượng:

+ Có 02 kết luận giám định khác nhau trong hồ sơ vụ án nên đề nghị Viện kiểm sát làm rõ kết luận nào là hợp pháp.

Tuy nhiên, với kết quả giám định như thế nào thì Luật sư cũng đề nghị HĐXX không xem xét vì quá trình thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Cơ quan tiến hành tố tụng không tiến hành đối chất giữa các bị cáo khi lời khai của các bị cáo mâu thuẫn nhau. Tại phiên tòa ngày 24/11/2017, Tòa án quận Hải Châu đã trả hồ sơ điều tra bổ sung để Viện kiểm sát tiến hành đối chất nhưng Viện kiểm sát không thực hiện mà tiếp tục chuyển hồ sơ vụ án ngay cho Tòa án xét xử là chủ quan duy ý chí, không mang tính suy đoán vô tội cho bị cáo theo tinh thần Bộ luật hình sự.

- Tại biên bản kiểm tra điện thoại và nội dung tin nhắn:

+ Cơ quan điều tra chỉ kiểm tra và lập biên bản đối với điện thoại của N mà không đối chứng kiểm tra điện thoại của Đlà không khách quan.

+ Tại biên bản kiểm tra tin nhắn trên điện thoại của Đchỉ có tin nhắn ghi tắt dạng mã hóa không rõ nội dung nhưng Cơ quan điều tra không yêu cầu Đdịch rõ nội dung tin nhắn và đồng thời biên bản không có chữ ký của điều tra viên mà chỉ có chữ ký của cán bộ công an và chữ ký của bị cáo Đlà vi phạm thủ tục tố tụng.

* Về nội dung của vụ án:

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 là không có căn cứ. Vì các lý do:

+ Khi Công an bắt quả tang trong người Đkhông có ma túy mà Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chỉ dựa trên lời khai của các bị cáo là không có cơ sở buộc tội bị cáo Đtội tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Đối với việc truy tố các bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội nhiều lần": Cơ quan tiến hành tố tụng chỉ căn cứ lời khai của N khai vào giữa tháng

5.2017 có nhờ Đmua giúp số ma túy là 13 viên nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng không thu thập chứng cứ được và không tiến hành giám định 13 viên thuốc dạng nén có phải là chất ma túy không? Hàm lượng ma túy như thế nào? Vì vậy, không thể áp dụng tình tiết định khung "phạm tội nhiều lần" đối với các bị cáo.

+ Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa ngày 24/11/2017, lời khai của bị cáo N luôn không thống nhất. Có thể chứng minh tinh thần của N bị hoảng loạn đúng như N đã khai. Tại phiên tòa hôm nay, bản thân bị cáo N cũng thừa nhận Đkhông mua dùm ma túy cho N mà chỉ vì mâu thuẫn nhỏ do Đ mượn tiền và hoảng loạn nên đã khai Đmua dùm ma túy cho N.

Vì các lẽ trên, đề nghị Viện kiểm sát căn cứ Điều 13, khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 rút một phần cáo trạng của Viện kiểm sát đối với bị cáo Đức. Nếu đại diện Viện kiểm sát không rút thì Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 98, khoản 1 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tuyên bố bị cáo Huỳnh Đkhông phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Bà Trần Thị Dạ Nh trình bày: Ngày 19/5/2017 do em trai bà bị tai nạn nên bà có giao cho bị cáo Đgiữ 01 ĐTDĐ Oppo màu đồng có sim số : 0905.525.236 có số Imel1: 868791024871415, Số Imeil 2: 868791024871407. Hiện nay chiếc điện thoại nêu trên đang tạm giữ, bà Nh đề nghị HĐXX trả lại chiếc điện thoại nêu trên cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận vào ngày 19/5/2017 bị cáo có hành vi tàng trữ trái phép 19 viên thuốc lắc. Số ma túy này bị cáo mua của một đối tượng tên Rin ở đường Phạm Văn Đồng, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo N không thừa nhận số ma túy trên là nhờ bị cáo Đmua hộ để sử dụng cùng bạn bè, đồng thời không nhận giữa tháng 5/2017 bị cáo nhờ bị cáo Đmua 13 viên thuốc lắc để sử dụng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo N cho rằng do bị cáo và bị cáo Đcó mâu thuẫn nên bị cáo khai không đúng sự thật. Bị cáo Huỳnh Đ không nhận tội. Tuy nhiên căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang ngày 19/5/2017, các biên bản ghi lời khai của bị cáo N vào lúc 22 giờ 15 phút và 23 giờ 15 phút ngày 19/5/2017, ngày 23/5/2017, biên bản hỏi cung bị can ngày 29/5/2017, ngày 09/6/2017, ngày 03/7/2017, 15/8/2017, ngày 22/9/2017, bản tường trình bị cáo của bị cáo N ngày 19/5/2017, lời khai tại phiên tòa ngày 24/1/2017; các biên bản ghi lời khai của bị cáo Huỳnh Đngày 19/5/2017, ngày 20/5/2017, ngày 23/5/2017, ngày 07/6/2017, tại các bản tường trình của bị cáo Đngày 19/5/2017, ngày 20/5/2017, ngày 23/5/2017, ngày 07/6/2017, biên bản kiểm tra tin nhắn điện thoại vào lúc 9 giờ và 9 giờ 35 phút ngày 20/5/2017 đều thể hiện vào ngày 19/5/2017 bị cáo N nhờ bị cáo Đ mua giúp bị cáo 20 viên thuốc lắc.Đ đồng ý và dùng điện thoại số 01208.070.607 gọi cho một người thanh niên tên Nguyên (chưa xác định họ tên, địa chỉ) hỏi mua 20 viên thuốc lắc với giá 6.500.000 đồng. Đhẹn với Nguyên giao ma túy tại trước cổng bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. Khi N và Đđến, vì N có 6.000.000 đồng nên Nguyên chỉ bán 19 viên thuốc lắc. Đnhận ma túy xong giao cho N. Ngoài ra các bị cáo còn thừa nhận vào giữa tháng 5/2017 bị cáo Đ còn mua giúp cho bị cáo

N 13 viên thuốc lắc. Số ma túy này N khai đã cùng bạn bè sử dụng hết nên không thu được vật chứng. Xét thấy nội dung các biên bản này phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn giống nhau. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 20^{h}45' ngày 19/5/2017, tại trước cổng Bệnh viện Đa khoa thành phố Đà Nẵng, số 103 Quang Trung, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Huỳnh Đvà Nguyễn Văn N đang có hành vi tàng trữ trái phép 4,839 gam ma túy loại Methamphetamine và MDMA để bị cáo N sử dụng thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy :

Bị cáo Nguyễn Văn N đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng bị cáo N không chịu tu dưỡng, từ bỏ sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, xâm phạm sức khỏe và sự phát triển giống nòi của dân tộc. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính chất liều lĩnh và coi thường pháp luật. Do đó HĐXX thấy cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này bị cáo N là người nhờ bị cáo Đđi mua ma túy cho mình để sử dụng, sau đó bị cáo N thay đổi lời khai nhằm che dấu hành vi phạm tội của bị cáo Đức, còn bị cáo Đthì quanh co chối tội, nhằm trốn tránh trách nhiệm hình sự. HĐXX đủ cơ sở xác định mặc dù bị cáo Đkhông được lợi nhuận gì trong việc mua hộ ma túy cho N, nhưng Đcũng đã tiếp tay cho tội phạm về ma túy hoạt động ngày càng nhiều và phức tạp hơn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Do đó hình phạt của bị cáo N chịu phải cao hơn bị cáo Đức. HĐXX thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên do gia đình bị cáo N có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xuất phát từ tính nhân đạo nhà nước ta đối với người phạm tội, HĐXX thấy cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để áp dụng một phần hình phạt nhẹ hơn cho các bị cáo cũng có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người lương thiện.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu căn cứ vào điểm c mục 3.7 phần II của Thông tư liên tịch số 172017/TTLT-BCA-VKSNDTC-BTP ngày 24/12/2017 và công văn số 315 ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình năm 1999 để xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Huỳnh Đvới tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần.

Xét thấy Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu căn cứ vào lời khai của bị cáo N và lời khai ban đầu của bị cáo Đlà vào khoảng giữa tháng 5/2017, Huỳnh Đcòn mua giúp cho Nguyễn Văn N 13 viên thuốc lắc để N sử dụng để truy tố các bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 là không có cơ sở. Vì

theo quy định tại điểm e mục 3.6 phần II thông tư liên tịch số 17/2017/TTLT-BCA-VKSNDTC-BTP ngày 24/12/2017 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XVIII các tội phạm về ma túy của Bộ luật hình sự năm 1999 thì
người nào tàng trữ, vận chuyển trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy với số lượng sau đây không nhằm mục đích mua bán hay sản xuất trái phép chất ma túy khác thì áp dụng khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự, theo đó không truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng phải bị xử lý hành chính : *« các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng dưới 01 gam »*. Như vậy cơ sở để truy tố các bị cáo có phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy vào giữa tháng 5/2017 hay không cần phải xác định trọng lượng chất ma túy mà các bị cáo tàng trữ. Nhưng trong trường hợp này cơ quan điều tra không thu hồi được số ma túy như các bị cáo đã khai nên không có cơ sở để trưng cầu giám định. Mặt khác tại công văn số 315 ngày 11/12/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định trong trường hợp không thu giữ được vật chứng nhưng có căn cứ xác định được trong lượng chất ma túy thì không đặt ra yêu cầu giám định. Tuy nhiên trong vụ án này thì không có cơ sở xác định được trọng lượng chất ma túy. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, để đấu tranh phòng, chống tội phạm, đối với hành vi mà bị cáo N khai là khoảng giữa tháng 5/2017, Huỳnh Đcòn mua giúp cho Nguyễn Văn N 13 viên thuốc lắc để N sử dụng, HĐXX đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

- Đối với lời bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo, HĐXX thấy bị cáo N phạm tội bị bắt quả tang, quá trình điều tra đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo Đức, nhưng sau đó cố tình khai khác với sự thật, nhằm che dấu tội phạm nên không có cơ sở cho bị cáo được hưởng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đối với lời bào chữa cho bị cáo Huỳnh Đđề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 98, khoản 1 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự năm năm 2015 tuyên bố bị cáo Huỳnh Đkhông phạm tội và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa. HĐXX thấy không có căn cứ nên không chấp nhận.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Đ cho rằng từ ngày 19/5/2017 đến ngày 06/7/2017 bị cáo khai không đúng sự thật là do tinh thần hoảng sợ vì bản thân có sử dụng ma túy vào ngày 19/5/2017. Ngoài ra do Điều tra viên hướng dẫn khai như vậy. HĐXX thấy lời trình bày của bị cáo là không có cơ sở, mang tính ngụy biện, vì bị cáo là người đủ năng lực, có khả năng nhận thức, tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bị cáo đã tự khai và rất nhiều lần tự viết bản tường trình khai ra hành vi phạm tội của mình, do đó không có cơ sở để xem xét khiếu nại này.

Tại phiên tòa cả hai vị luật sư là người bào chữa của bị cáo N và bị cáo Đ cho rằng cho rằng một số hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra không đảm bảo. Tuy nhiên qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án HĐXX xét thấy về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân thành phố Đà Nẵng, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, HĐXX xét thấy :

- 2,294 gam mẫu ma túy và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định số 502/GĐ-MT. HĐXX thấy đây là vật cấm lưu hành nên tuyên tịch thu và tiêu huỷ.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động màu đen, có chữ Philip có sim số: 0905.042.955. Số Imei1: 863314032355159; Số Imei2 : 863314032455355 của bị cáo N và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng có sim số: 01208.070.607 có số Imel1: 353236070872919, Số Imeil 2: 353237070872917 của bị cáo Đ- là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đồng có sim số : 0905.525.236 có số Imei1: 868791024871415, Số Imeil 2: 868791024871407 là của bà Trần Thị Dạ Nh không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bà Nh. - Đối với số tiền 150.000 đồng của bị cáo Đức, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Đức.

- Tại phiên tòa, bị cáo N khai khi bị bắt quả tang, cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo một cái ví, trong ví có 20.000 đồng, nhưng tại biên bản phạm tội quả tang và các biên bản ghi lời khai của bị cáo, bị cáo N đều xác nhận tài sản tạm giữ không có chiếc ví nêu trên và 20.000 đồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với chiếc túi xách của bà Nh và chiếc ví của em trai bà Nh là Trần Đình Phước Mỹ. Hiện nay cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Nh và ông Mỹ nên HĐXX không đề cập đến.

Đối với đối tượng tên Nguyên bán ma túy cho bị cáo Đ*(chưa xác định được họ tên, địa chỉ)*; đối với việc Huỳnh Đkhai có hành vi cá độ đá bóng; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau, HĐXX thấy thỏa đáng.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Huỳnh Đ phạm tội " Tàng trữ trái phép chất ma túy ".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015,sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Đ 3 (ba) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 19 tháng 5 năm 2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tuyên tịch thu và tiêu hủy 2,294 gam mẫu ma túy và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định số 502/GĐ-MT. 2,294 gam mẫu ma túy và toàn bộ vỏ bao gói gửi hoàn trả sau giám định số 502/GĐ-MT.

- Tuyên tịch thu và sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu đen, có chữ Philip có sim số: 0905.042.955 có số Imei1: 863314032355159, số Imei2 : 863314032455355 của bị cáo N và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng có sim số: 01208.070.607 có số Imei1: 353236070872919 , số Imeil 2: 35323707087291701 của bị cáo Đức.

- Tuyên trả lại cho bà Trần Thị Dạ Nh 01 (một) điện thoại di động Oppo màu đồng có sim số : 0905.525.236 có số Imei1: 868791024871415, số Imei 2: 868791024871407**.**

- Tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Đsố tiền 150.000 đồng.

Các vật chứng nêu trên hiện nay Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 10 năm 2017.

4. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Nguyễn Văn N và Huỳnh Đmỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND Q. Hải Châu;*
- *VKSNDTPĐN;*
- *Công an Q. Hải Châu;*
- *Công an TPĐN;*
- *TAND TPĐN;*
- *Bị cáo;*
- *Trại tạm giam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng Loan